

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 138/2021/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 18 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 565/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Gìn Thị D – Sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 36, đường L, tổ 17, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn N - Sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 36, đường L, tổ 17, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, Điều 81,83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2021 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo D xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Gìn Thị D và ông Nguyễn N đều có yêu cầu thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Gìn Thị D và ông Nguyễn N.

2.2 Về con chung: Bà D và ông N thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Giao ông N nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D - Sinh ngày 04/02/2004 và Nguyễn Thị Mỹ L - Sinh ngày 27/03/2007 cho đến ngày các con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Ông N không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí : Bà Gìn Thị D nhận nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0000779 ngày 12/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu. Hoàn trả cho bà Gìn Thị D 150.000 đồng án phí còn dư.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Đ;
- Thi hành án huyện Đ;
- UBND thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Yến Như